

NỘI DUNG HỌC TRỰC TUYẾN MÔN ĐỊA LÍ 11

TUẦN 1 đến tuần 17

BÀI 1:

SỰ TƯƠNG PHẢN VỀ TRÌNH ĐỘ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI CỦA CÁC NHÓM NƯỚC.

CUỘC CÁCH MẠNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ HIỆN ĐẠI

I. Sự phân chia TG thành các nhóm nước

- Trên 200 quốc gia và vùng lãnh thổ khác nhau được chia làm 2 nhóm nước: phát triển và đang phát triển
- Các nước đang phát triển thường có GDP/ người, thấp, nợ nhiều, HDI thấp
- Các nước phát triển thì ngược lại
- Một số nước vùng lãnh thổ đạt được trình độ nhất định về CN gọi là các nước công nghiệp mới (NICs)

II. Sự tương phản về trình độ phát triển KT XH của các nhóm nước

- GDP/người chênh lệch lớn giữa các nước phát triển và đang phát triển
- Trong cơ cấu KT,
 - + các nước phát triển KV dịch vụ chiếm tỉ lệ rất lớn, NN rất nhỏ
 - + các nước đang phát triển tỉ lệ ngành NN còn cao
- Tuổi thọ TB các nước phát triển > các nước đang phát triển
- HDI các nước phát triển > các nước đang phát triển

III. Cuộc CM KH và CN hiện đại

HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC

BÀI 2:

XU HƯỚNG TOÀN CẦU HÓA, KHU VỰC HÓA KINH TẾ

I. Xu hướng toàn cầu hóa

- Là quá trình liên kết các quốc gia về KT, văn hóa, khoa học,..

1. Toàn cầu hóa về kinh tế

- a/ Thương mại phát triển
- b/ Đầu tư nước ngoài tăng nhanh
- c/ Thị trường tài chính mở rộng
- d/ Các công ty xuyên quốc gia có vai trò ngày càng lớn

2/ Hệ quả của toàn cầu hóa

- Tích cực: thúc đẩy SX phát triển, tăng trưởng KT, đầu tư, tăng cường hợp tác quốc tế
- Thách thức: gia tăng khoảng cách giàu nghèo

II. Xu hướng khu vực hóa KT

1. Các tổ chức liên kết KT khu vực

- Nguyên nhân: do phát triển không đều và sức ép cạnh tranh trên TG, những quốc gia tương đồng về văn hóa, XG, địa lí hoặc có chung mục tiêu, lợi ích
- Các tổ chức liên kết KV

2/ Hệ quả của khu vực hóa KT

- Tích cực: vừa hợp tác vừa cạnh tranh tạo nên sự tăng trưởng KT, tăng tự do thương mại, đầu tư, bảo vệ lợi ích KT các nước thành viên; tạo những thị trường rộng lớn, tăng cường toàn cầu hóa KT

- Thách thức: quan tâm giải quyết vấn đề như chủ quyền KT, quyền lực quốc gia

BÀI 3:

MỘT SỐ VẤN ĐỀ MANG TÍNH TOÀN CẦU

I. Dân số

1. Bùng nổ DS

HS TỰ HỌC

2. Già hóa dân số

- DS TG có xu hướng già đi:

+ Tỷ lệ người < 15 tuổi giảm

+ Tỷ lệ > 65 tuổi tăng

II. Môi trường

1. Biến đổi khí hậu toàn cầu và Suy giảm tầng ô dôn

- Lượng CO₂ tăng => hiệu ứng nhà kính tăng => nhiệt độ Trái đất tăng

- Khí thải từ SX CN và sinh hoạt => mưa axit => tầng ô dôn mỏng và thủng

2. Ô nhiễm MT nước ngọt, biển và

đại dương

- Chất thải CN và sinh hoạt chưa xử lý => đổ trực tiếp vào sông hồ => ô nhiễm => thiếu nước sạch

- Chất thải CN chưa xử lý => đổ trực tiếp vào sông biển, đắm tàu, rửa tàu, tràn dầu => MT biển chịu nhiều tổn thất

3. Suy giảm đa dạng sinh học

- Khai thác thiên nhiên quá mức => sinh vật bị tuyệt chủng hoặc sắp tuyệt chủng => mất nhiều loài SV, gen di truyền, thực phẩm, thuốc, nguyên liệu SX...

III. Một số vấn đề khác

- Khủng bố, xung đột sắc tộc, tôn giáo

BÀI 4: THỰC HÀNH:

TÌM HIỂU NHỮNG CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC TOÀN CẦU HÓA ĐỐI VỚI CÁC NƯỚC ĐANG PHÁT TRIỂN

HỌC SINH TỰ HỌC

BÀI 5:

MỘT SỐ VẤN ĐỀ CỦA CHÂU LỤC VÀ KHU VỰC TIẾT 1: MỘT SỐ VẤN ĐỀ CỦA CHÂU PHI

I. Một số vấn đề tự nhiên

	Thuận lợi	Khó khăn
* Khí hậu	- Đa dạng	- Khô nóng.
* Cảnh quan	- Rừng Nhiệt đới ẩm, Nhiệt đới khô...	- Hoang mạc, bán hoang mạc, xavan.
* Khoáng sản	- Phân bố nhiều nơi với nhiều loại	- Khoáng sản và rừng bị khai thác quá mức
* Sông ngòi	- Sông Nin,..	

=> khai thác và sử dụng hợp lí tài nguyên

II. Một số vấn đề dân cư và xã hội

- Tỷ suất sinh cao nên DS tăng nhanh
 - Tuổi thọ TB thấp
 - Dịch bệnh HIV
 - Trình độ dân trí thấp, nhiều mù tục
 - Xung đột sắc tộc, đói nghèo, bệnh tật
- => được sự quan tâm giúp đỡ của nhiều tổ chức TG

III. Một số vấn đề Kinh tế

- Đa số các nước Châu Phi nghèo, kém phát triển
- Nguyên nhân:
 - + Hậu quả của sự thống trị lâu dài chủ nghĩa thực dân
 - + Xung đột, chính phủ yếu kém,....
- Nền KT châu Phi cũng đang thay đổi tích cực

TIẾT 2: MỘT SỐ VẤN ĐỀ CỦA MỸ LA TINH

I. Một số vấn đề tự nhiên, dân cư và xã hội

1. Tự nhiên

- * Thuận lợi:
 - Nhiều loại kim loại màu, kim loại quý và nhiên liệu
 - Tài nguyên đất, khí hậu thuận lợi cho phát triển rừng, chăn nuôi gia súc, trồng cây CN và cây ăn quả nhiệt đới

* Khó khăn:

- Khai thác nhiều

2. Dân cư và xã hội

- Dân cư còn nghèo đói
- Thu nhập giữa người giàu và nghèo có sự chênh lệch rất lớn
- Đô thị hóa tự phát => đời sống dân cư khó khăn => ảnh hưởng vấn đề XH và phát triển KT

II. Một số vấn đề Kinh tế

- Tốc độ phát triển KT không đều, chậm thiếu ổn định
- Nợ nước ngoài lớn
- Nguyên nhân:
 - + Tình hình chính trị thiếu ổn định

- + Các thế lực bảo thủ cản trở
- + Chưa xây dựng được đường lối phát triển KT-XH độc lập, tự chủ
- Hiện nay, các quốc gia Mỹ Latinh đang cải cách

TIẾT 3: MỘT SỐ VẤN ĐỀ CỦA KHU VỰC TÂY NAM Á VÀ KHU VỰC TRUNG Á

I. Đặc điểm của khu vực Tây Nam Á và khu vực Trung Á:

có vị trí địa – chính trị quan trọng

1/ Tây Nam Á

- Diện tích 7 triệu km² với 313 triệu người
- Tài nguyên chủ yếu dầu khí tập trung quanh vịnh Pec-xich
- Nơi ra đời nhiều tôn giáo, nền văn minh
- Hiện nay đa số dân cư theo đạo Hồi nhưng bị chia rẽ thành nhiều giáo phái => mất ổn định

2/ Trung Á

- Khu vực giàu có về tài nguyên dầu khí, sắt, đồng, thủy điện, than, urani...
- Khí hậu khô hạn => trồng bông và cây CN
- Các thảo nguyên chăn thả gia súc
- Khu vực đa sắc tộc, mật độ DS thấp
- Trừ Mông Cổ, đa số dân cư theo đạo Hồi
- Giao thoa văn minh phương Đông và Tây

II. Một số vấn đề của khu vực Tây Nam Á và khu vực Trung Á

1. Vai trò cung cấp dầu mỏ

- Trữ lượng dầu mỏ lớn, Tây Nam Á chiếm 50% TG => nguồn cung chính cho TG
- => trở thành nơi cạnh tranh ảnh hưởng của nhiều cường quốc

2. Xung đột sắc tộc, tôn giáo và nạn khủng

bố

- Nguyên nhân:
 - + Tranh giành đất đai, nguồn nước và tài nguyên
 - + Can thiệp của nước ngoài, các tổ chức cực đoan
- Thể hiện: xung đột dai dẳng của người Arab-Do thái
- Hậu quả: tình trạng đói nghèo ngày càng tăng

B. ĐỊA LÍ KHU VỰC VÀ QUỐC GIA

BÀI 6: HỢP CHÚNG QUỐC HOA KÌ

TIẾT 1: TỰ NHIÊN VÀ DÂN CƯ

I. Lãnh thổ và vị trí địa lí

1. Lãnh thổ

- Trung tâm Bắc Mỹ => lãnh thổ cân đối => thuận lợi cho phân bố SX và phát triển GT
- Bán đảo A-lax-ca và Haoai

2. Vị trí địa lí

- Nằm ở Tây bán cầu
- Giữa 2 đại dương: Thái Bình Dương
- Tiếp giáp Canada và Mỹ Latinh

II. Điều kiện tự nhiên

1. Phần lãnh thổ trung tâm Bắc Mỹ

HỌC SINH TỰ HỌC

2. A-la-xca và Haoai

- A-la-xca: đồi núi, giàu có về dầu khí
- Haoai: nằm giữa Thái Bình Dương, phát triển du lịch và hải sản

III. Dân cư

1. Gia tăng dân số

- Dân số đứng thứ 3 TG
- DS tăng nhanh, phần nhiều do nhập cư, chủ yếu từ châu Âu, Mỹ latinh, Á
- Người nhập cư đem lại nguồn tri thức, vốn và lực lượng lao động

2. Thành phần dân cư

- Đa dạng:
- + Có nguồn gốc chủ yếu từ châu Âu
- + Gốc châu Á và Mỹ Latinh đang tăng mạnh
- + Dân Anhđiêng còn 3 triệu người

3. Phân bố dân cư

- Tập trung ở :
- + Vùng Đông Bắc và ven biển
- + Sống chủ yếu ở các đô thị
- Dân cư có xu hướng chuyển từ Đông Bắc xuống phía Nam và ven TBD

TIẾT 2: KINH TẾ

I. Qui mô nền kinh tế

- Đứng đầu TG

II. Các ngành kinh tế

1. Dịch vụ: phát triển mạnh chiếm tỉ trọng cao 79.4% GDP –năm 2004

a/ Ngoại thương

- Đứng đầu TG

b/ Giao thông vận tải

- Hệ thống đường và phương tiện hiện đại nhất TG

c/ Các ngành tài chính, thông tin liên lạc, du lịch

- Ngành ngân hàng và tài chính hoạt động khắp TG, tạo nguồn thu và lợi thế cho KT Hoa Kỳ

- Thông tin liên lạc rất hiện đại

- Ngành DL phát triển mạnh

2. Công nghiệp: là ngành tạo nguồn hàng XK chủ yếu

- Tỉ trọng trong GDP giảm dần: 19,7% năm 2004

- 3 nhóm:

+ CN chế biến chiếm chủ yếu về xuất khẩu và lao động

+ CN điện

+ CN khai khoáng

- Giảm tỉ trọng các ngành truyền thống tăng các ngành hiện đại

- Phân bố:

+ Trước đây: tập trung ở Đông Bắc với các ngành truyền thống

+ Hiện nay: mở rộng xuống phía nam và Thái Bình Dương với các ngành hiện đại

3. Nông nghiệp:

HS TỰ HỌC

TIẾT 3: THỰC HÀNH: TÌM HIỂU SỰ PHÂN HÓA LÃNH THỔ SẢN XUẤT CỦA HOA KỲ

HS TỰ HỌC

BÀI 7: LIÊN MINH CHÂU ÂU (EU)

TIẾT 1: EU – LIÊN MINH KHU VỰC LỚN NHẤT THẾ GIỚI

I. Quá trình hình thành và phát triển

1. Sự ra đời và phát triển

- Sau chiến tranh thế giới thứ II, các nước Tây Âu tăng cường liên kết

- Năm 1951 thành lập cộng đồng Than và Thép châu Âu

- 1957: cộng đồng kinh tế châu Âu

- 1958: cộng đồng nguyên tử

- 1967: thống nhất 3 tổ chức trên thành cộng đồng châu Âu (EC)

- 1993, đổi tên thành Liên minh châu Âu (EU)

- Từ 6 nước ban đầu (1957) đến 2007 là 27 nước

2. Mục đích và thể chế của EU

HS TỰ HỌC.

II. Vị thế của EU trong nền KT thế giới

1. Trung tâm kinh tế hàng đầu thế giới

- Hình thành nên thị trường chung và sử dụng cùng đồng tiền Ơ-rô => EU trở thành trung tâm KT hàng đầu TG

- Vẫn có sự chênh lệch về trình độ giữa các nước

2. Tổ chức thương mại hàng đầu

- KT EU phụ thuộc nhiều vào xuất nhập khẩu
- Các nước dỡ bỏ thuế quan với nhau và có chung 1 mức thuế
- EU dẫn đầu TG về thương mại
- EU là bạn hàng lớn nhất của các nước đang phát triển
- EU hạn chế nhập nhiều mặt hàng công nghiệp và trợ giá cho nông sản

TIẾT 2: EU- HỢP TÁC, LIÊN KẾT ĐỂ CÙNG PHÁT TRIỂN

I. Thị trường chung Châu Âu

1. Tự do lưu thông

- 1993, EU thiết lập thị trường chung
- a/ Tự do di chuyển: tự do đi lại, cư trú, nơi làm việc
- b/ Tự do lưu thông dịch vụ
- c/ Tự do lưu thông hàng hóa
- d/ Tự do lưu thông tiền vốn

2. Euro – đồng tiền chung Châu Âu

- 1999: chính thức lưu thông
- 2004: 13 thành viên sử dụng
- Lợi ích:
 - + Nâng cao sức cạnh tranh
 - + Xóa bỏ những rủi ro khi chuyển đổi tiền tệ
 - + Thuận lợi việc chuyển vốn
 - + Đơn giản công tác kế toán các doanh nghiệp

II. Hợp tác sản xuất và dịch vụ

1. Sản xuất máy bay Airbus

- Do Anh, Pháp, Đức sáng lập, nhằm cạnh tranh với các công ty của Hoa Kỳ

2. Đường hầm giao thông Măng-sơ

- Nối liền nước Anh với lục địa hoàn thành vào 1994
- Lợi ích:
 - + Hàng hóa vận chuyển trực tiếp từ Anh tới lục địa không cần trung chuyển bằng phà và ngược lại
 - + Đường sắt siêu tốc phục vụ có thể cạnh tranh với hàng không

III. Liên kết vùng Châu Âu (Euroregion)

HS TỰ HỌC

TIẾT 3: THỰC HÀNH: TÌM HIỂU VỀ LIÊN MINH CHÂU ÂU

HỌC SINH TỰ HỌC

BÀI 8: LIÊN BANG NGA

TIẾT 1: TỰ NHIÊN VÀ DÂN CƯ

I. VỊ TRÍ ĐỊA LÍ VÀ LÃNH THỔ

1. Vị trí địa lí

- Nằm ở 2 châu lục Á – Âu, gồm đồng bằng Đông Âu và Bắc Á
- Giáp 14 nước ở phía nam và tây-tây nam.
- Phía bắc và phía đông, nam giáp biển-đại dương

2. Lãnh thổ

- Diện tích rộng nhất TG
- Tỉnh Caliningrát biệt lập phía tây

II. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN

ĐKTN	Đặc điểm		Giá trị KT	
Địa hình	Tây	Đông	Trồng cây lương thực, thực phẩm chăn nuôi	Lâm sản, thủy điện
	Đồng bằng: - Đông Âu : tương đối cao, xen lẫn đồi thấp, màu mỡ - Tây Xibia: đầm lầy - Uran: ranh giới Á _ Âu	Núi cao nguyên		
	Sông Ê-nit-xây			
Khoáng sản	Đa dạng phong phú		Ngành CN khai thác và CB KS	
Rừng	Số 1 TG, rừng lá kim		Khai thác và CB gỗ	
Sông hồ	Nhiều: Vôn ga, Ôbi, Lêna, Ê-nit-xây, Baican		Giá trị thủy điện ở vùng Xibia GTVT ở miền Tây	
Khí hậu	Chủ yếu là ôn đới Phía bắc là cực đới Phía nam cận nhiệt		Nền NN đa dạng Khí hậu lạnh cản trở phát triển NN	

III. DÂN CƯ VÀ XÃ HỘI

1. Dân cư

- Đông dân, thứ 8 TG nhưng mật độ thấp
- Tốc độ gia tăng giảm do di cư
- Nhiều dân tộc, chủ yếu là người Nga 80% DS
- Tập trung chủ yếu ở các TP

2. Xã hội

- Có tiềm lực lớn về KH và VH
- Trình độ học vấn cao